

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2023 KHỐI TRƯỜNG HỌC

(Kèm theo Báo cáo số 244/BC-UBND ngày 12/7/2023 của UBND huyện Hón Quản)

Đvt: Đồng

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chỉnh		Tổng Dự Toán Điều Chỉnh 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
1	2	3	4	5	6	7
I	Khối mầm non	40.385.409.000	40.509.000	3.030.098.000	43.456.016.000	
1	Trường Mầm non Thanh An	4.551.275.000		250.388.000	4.801.663.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 86.930.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 265.262.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2022 - 2023: 12.640.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 25.532.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (83.700.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (56.276.000) đồng.
2	Trường Mầm non Đồng Nơ	3.182.256.000		113.074.000	3.295.330.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 23.168.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 207.374.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (72.780.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (44.688.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
3	Trường Mầm non Phước An	3.315.216.000		493.327.000	3.808.543.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 364.659.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 232.934.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2022-2023: 1.440.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 25.532.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (90.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (41.238.000) đồng.
4	Trường Mầm non Tân Khai	3.770.101.000		102.271.000	3.872.372.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 52.021.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 239.213.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 25.532.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (162.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (52.495.000) đồng.
5	Trường Mầm non Tân Lợi	2.423.784.000		90.000.000	2.513.784.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 47.100.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 122.899.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (48.600.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (31.399.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
6	Trường Mầm non Thanh Bình	1.701.613.000		525.684.000	2.227.297.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 484.337.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 125.604.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (62.630.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (21.627.000 đồng).
7	Trường Mầm non Tân Hưng	3.294.823.000	40.509.000	260.640.000	3.595.972.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 149.329.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 194.052.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2022-2023: 13.440.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 25.532.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (81.810.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (39.903.000 đồng).
8	Trường Mầm non Minh Đức	2.408.924.000		189.389.000	2.598.313.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 91.543.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 176.138.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2022-2023: 2.720.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (49.410.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (31.602.000 đồng).

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
9	Trường Mầm non Tân Hiệp	3.156.504.000		113.268.000	3.269.772.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 41.514.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 194.816.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (81.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (42.062.000) đồng.
10	Trường Mầm non Minh Tâm	2.001.744.000		57.913.000	2.059.657.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 26.357.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 97.483.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (39.150.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (26.777.000) đồng.
11	Trường Mầm non An Khương	2.703.379.000		310.185.000	3.013.564.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 32.663.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 133.101.000 đồng; - Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2021 của Chính phủ: 139.618.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2022-2023: 32.800.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 122: 32.433.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (27.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (33.430.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
12	Trường Mầm non Tân Quan	2.747.680.000		276.927.000	3.024.607.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 136.461.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 207.448.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 25.532.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (56.430.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (36.084.000) đồng.
13	Trường Mầm non An Phú	2.223.272.000		145.669.000	2.368.941.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 57.819.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 155.059.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (38.205.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (29.004.000) đồng.
14	Trường Mầm non Tân Khai B	2.904.838.000		101.363.000	3.006.201.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 79.798.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 154.945.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 122: 31.092.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (124.200.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (40.272.000) đồng.
II	Khối tiểu học	38.813.616.000	-	5.297.079.000	44.110.695.000	

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
15	Trường Tiểu Học Thanh An	6.829.560.000		691.006.000	7.520.566.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 172.561.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 593.950.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 22.850.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (98.355.000) đồng.
16	Trường Tiểu Học Trà Thanh	4.217.055.000		516.292.000	4.733.347.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 61.758.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 371.553.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 124.961.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 15.645.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 2.245.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (59.870.000) đồng.
17	Trường Tiểu Học Tân Hưng	10.740.517.000		1.563.494.000	12.304.011.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 209.663.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 936.232.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 571.438.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (153.839.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
18	Trường Tiểu Học Tân Khai A	7.261.516.000		903.979.000	8.165.495.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 196.595.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 590.760.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 162.997.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 17.731.000 đồng; - Kinh phí lương hợp đồng nhân viên y tế học đường thực hiện nhiệm vụ thường trực phòng, chống dịch từ ngày 01/11/2022-30/4/2023: 24.024.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 25.532.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (113.660.000) đồng.
19	Trường Tiểu Học Tân Khai B	4.247.730.000		731.300.000	4.979.030.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 78.639.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 338.621.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 118.888.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 17.731.000 đồng; - Kinh phí lương hợp đồng nhân viên y tế học đường thực hiện nhiệm vụ thường trực phòng, chống dịch năm 2023: 48.048.000 đồng; - Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/20214 của Chính phủ: 193.779.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (64.406.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
20	Trường Tiểu Học Đồng Nơ	5.517.238.000		891.008.000	6.408.246.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 167.104.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 472.455.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 265.960.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 14.692.000 đồng; - Kinh phí truy lĩnh phụ cấp thâm niên từ tháng 01/2014 đến tháng 07/2015: 32.727.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 22.850.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (84.780.000) đồng.
III	Khối THCS	24.963.316.000	-	1.844.490.000	26.807.806.000	
21	Trường THCS Tân Hưng	6.405.871.000		570.258.000	6.976.129.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 142.494.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 565.630.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2021-2022, năm học 2022-2023: 87.169.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2021-2022, năm học 2022-2023: 29.204.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2021-2022, năm học 2022-2023: 8.980.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2022-2023: 21.987.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 45.700.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (232.200.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (98.706.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
22	Trường THCS Thanh An	6.410.526.000		725.348.000	7.135.874.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 440.211.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 590.368.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 37.000.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 22.850.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (261.720.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (103.361.000) đồng.
23	Trường THCS Đồng Nơ	4.664.027.000		339.741.000	5.003.768.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 149.216.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 399.581.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 14.602.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 22.850.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (172.800.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (73.708.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
24	Trường THCS Tân Khai	7.482.892.000		209.143.000	7.692.035.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 142.104.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 680.533.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 28.161.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2021-2022: 37.514.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 22.850.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (584.820.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (117.199.000) đồng.
IV	Khối TH&THCS	75.017.393.000	-	8.804.022.000	83.821.415.000	
25	Trường Tiểu Học &THCS An Khương	8.437.194.000		1.400.978.000	9.838.172.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 370.462.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 700.766.000 đồng; - Kinh phí lương hợp đồng nhân viên y tế học đường thực hiện nhiệm vụ thường trực phòng, chống dịch năm 2022, năm 2023: 64.064.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 15.705.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp tổng phụ trách dạy điểm lẻ tháng 9-12/2022: 1.192.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 25.532.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (98.792.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (127.122.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
26	Trường Tiểu Học &THCS An Phú	6.689.874.000		741.656.000	7.431.530.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 188.805.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 548.806.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 149.841.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 22.112.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 6.945.000 đồng; - Kinh phí lương hợp đồng nhân viên y tế học đường thực hiện nhiệm vụ thường trực phòng, chống dịch năm 2022: 8.008.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (84.600.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (98.261.000) đồng.
27	Trường Tiểu Học &THCS Minh Đức	6.034.217.000		711.347.000	6.745.564.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 137.027.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 487.349.000 đồng; - Kinh phí lương hợp đồng nhân viên y tế học đường thực hiện nhiệm vụ thường trực phòng, chống dịch năm 2022: 8.008.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 220.267.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 21.903.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 5.395.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 121: 25.532.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (103.680.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (90.454.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
28	Trường Tiểu Học &THCS Tân Hiệp	9.932.866.000		1.122.956.000	11.055.822.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 267.044.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 806.319.000 đồng; - Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 190.680.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 143.681.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 42.763.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (178.920.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (148.611.000) đồng.
29	Trường Tiểu Học &THCS Tân Lợi	9.466.278.000		1.121.482.000	10.587.760.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 142.386.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 792.728.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 400.199.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 35.462.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg: 6.745.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ viên chức tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 122: 28.410.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (136.800.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (147.648.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
30	Trường Tiểu Học &THCS Phước An	12.132.612.000		1.174.742.000	13.307.354.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 233.484.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 973.310.000 đồng; - Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/20214 của Chính phủ: 256.396.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (180.448.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (108.000.000) đồng.
31	Trường Tiểu Học &THCS Tân Quan	9.381.493.000		880.524.000	10.262.017.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 182.087.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 826.641.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 108.024.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 33.376.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 6.000.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (135.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (140.604.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
32	Trường Tiểu Học &THCS Thanh Bình	6.430.105.000		702.712.000	7.132.817.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 96.094.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 502.250.000 đồng; - Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 138.855.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2021-2022, năm học 2022-2023: 137.654.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2021-2022, năm học 2022-2023: 28.936.000 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 4.645.000 đồng; - Kinh phí lương hợp đồng nhân viên y tế học đường thực hiện nhiệm vụ thường trực phòng, chống dịch năm 2023: 20.020.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (125.820.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (99.922.000) đồng.

Stt	Tên Trường	Dự Toán Đầu Năm 2023	Dự Toán Điều Chính		Tổng Dự Toán Điều Chính 2023	Thuyết Minh
			Dự Toán Đã Bổ Sung	Dự Toán Tiếp Tục Bổ Sung		
33	Trường Tiểu Học & THCS Minh Tâm	6.512.754.000		947.625.000	7.460.379.000	- Bổ sung lương và các khoản có tính chất lương: 185.026.000 đồng; - Kinh phí tăng lương cơ sở lên mức 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của Chính phủ: 554.802.000 đồng; - Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 157.935.000 đồng; - Kinh phí giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật hòa nhập theo Nghị định số 28/2012/NQ-CP năm học 2022-2023: 181.373.000 đồng; - Kinh phí phụ cấp đứng nắnng cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 20.339 đồng; - Kinh phí trang phục cho giáo viên thể dục ngoài trời theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg năm học 2022-2023: 3.750.000 đồng; - Kinh phí hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước năm học 2022-2023: 13.544.000 đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn thu học phí làm nguồn tăng lương, hoạt động năm 2023: (73.800.000.000) đồng; - Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương (10% tiết kiệm chi thường xuyên): (95.344.000) đồng.
	TỔNG CỘNG	179.179.734.000	40.509.000	18.975.689.000	198.195.932.000	